

Số: 1514/QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 04 tháng 4 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu  
giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 69/2017/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện các bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 2187/BXD-QHKT ngày 15/9/2017 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 4407/UBND-CNN ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chung xây dựng trên cơ sở rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4136/QĐ-UBND, ngày 08/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Trị An, huyện



Vĩnh Cửu đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7531/QĐ-UBND, ngày 01/7/2021 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt Điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định QHXD tại Tờ trình số /TTr-KTHT ngày / /2022.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:**

#### **1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:**

- Xã Trị An có ranh giới như sau:
- + Phía Bắc: Giáp xã Hiếu Liêm.
- + Phía Đông và Đông Bắc: Giáp thị trấn Vĩnh An.
- + Phía Nam: Giáp xã Tân An và xã Vĩnh Tân.
- + Phía Tây: Giáp huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương.

#### **1.2. Quy mô lập quy hoạch:** Khoảng 1.848,13ha.

#### **1.3. Tỷ lệ lập quy hoạch:** 1/10.000.

#### **1.4. Thời hạn và phân kỳ lập quy hoạch:**

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025.
- Giai đoạn dài hạn : Đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:**

#### **2.1. Quan điểm, mục tiêu:**

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh.

- Đòi hỏi vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao nhanh và bền vững.

- Nông thôn phát triển theo quy hoạch, có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.



- Cụ thể hóa nội dung định hướng và đặc trưng của xã nông thôn mới thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

- Là căn cứ để chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của địa phương; đánh giá công nhận xã đạt nông thôn mới trong giai đoạn 2016 – 2020; đánh giá trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; giúp cho cán bộ và nhân dân địa phương hiểu rõ nội dung cụ thể của xây dựng nông thôn mới.

### **2.2. Tính chất, chức năng và kinh tế chủ đạo của xã:**

- Là một trong những xã thuộc vùng phát triển kinh tế chủ lực của huyện Vĩnh Cửu với tiềm năng phát triển công nghiệp, các dịch vụ đô thị và một phần phát triển về nông nghiệp.

### **3. Dự báo sơ bộ quy mô dân số, lao động, lựa chọn các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật áp dụng:**

#### **3.1. Dự báo quy mô dân số:**

- Dân số hiện trạng 2019: Khoảng 3.715 người.
- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 5.000 – 6.000 người.
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 8.000 – 9.000 người.

#### **3.2. Dự báo quy mô dân số trong độ tuổi lao động:**

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 3.000 – 4.000 người.
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 6.000 – 7.000 người.

#### **3.3. Lựa chọn các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật áp dụng:**

- Căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt và quy hoạch ngành liên quan trên cơ sở kế thừa và tiến hành rà soát bổ sung theo quy định:

- Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật
  - + Về cấp nước tiêu chuẩn : 80 - 100 lít/người/ngày .
  - + Về thoát nước bản tiêu chuẩn :  $\geq 100\%$  lượng nước cấp.
  - + Về cấp điện tiêu chuẩn :  $\geq 660W$ /người.

### **4. Phân khu chức năng:**

#### **4.1. Hệ thống trung tâm xã:**

- Xã có 01 khu dân cư trung tâm xã (Điểm dân cư số 1) thuộc ấp 1, diện tích khoảng 121ha.

#### **4.2. Hệ thống các khu dân cư:**

- Đến thời điểm hiện nay, các điểm dân cư này đã lấp đầy và có chiều hướng mở rộng dọc theo các trục đường chính của xã. Do vậy, định hướng trong thời gian tới khoanh vùng không chế quản lý xây dựng, kết nối và hợp nhất một số điểm dân cư thành 8 điểm dân cư.

- Điểm dân cư số 1 (hiện hữu hạn chế mở rộng) thuộc ấp 1, diện tích 121ha.
- Điểm dân cư số 2 (hiện hữu hạn chế mở rộng) thuộc ấp 1, diện tích 25ha.
- Điểm dân cư số 3 (hiện hữu mở rộng) thuộc ấp 2, diện tích 18ha.



- Điểm dân cư số 4 (hiện hữu hạn chế mở rộng) thuộc ấp 2, diện tích 28ha.
- Điểm dân cư số 5 (hiện hữu hạn chế mở rộng) thuộc ấp 2, diện tích 42ha.
- Điểm dân cư số 6 (hiện hữu mở rộng) thuộc ấp 1, diện tích 21ha.
- Điểm dân cư số 7 (hiện hữu mở rộng) thuộc ấp 1, diện tích 19ha.
- Điểm dân cư số 8 (hiện hữu hạn chế mở rộng) thuộc ấp 2, diện tích 18ha.
- Dân cư rải rác còn lại (Hiện hữu, hạn chế xây dựng mở rộng), gồm các hộ dân sống theo các trục đường giao thông và bám theo các thửa đất sản xuất.
- Các khu dân cư trên được quy định mật độ xây dựng gộp tối đa là 60% và tầng cao tối đa là 05 tầng. Hình thức kiến trúc nhà ở khuyến khích thân thiện với thiên nhiên, sử dụng vật liệu địa phương.

***Dân cư rải rác còn lại:***

- Các hộ dân Hiện hữu sống rải rác theo các trục đường giao thông và bám theo các thửa đất sản xuất hạn chế xây dựng mở rộng. Khuyến khích các hộ này vào các điểm dân cư tập trung để tận dụng hạ tầng một cách tối ưu nhất.

***4.3. Khu sản xuất:***

- Khu sản xuất công nghiệp tuân thủ theo định hướng của quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Giữ nguyên hiện trạng hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất TTCN hiện có trên địa bàn, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và bảo vệ môi trường.

***4.4. Các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển:***

- Các khu vực có khả năng phát triển: khu trung tâm xã, dọc đường ĐT 768.
- Các khu vực hạn chế phát triển: Các khu vực nông nghiệp còn lại theo định hướng không gian toàn xã.

***4.5. Khu vực cấm xây dựng:***

- Khu vực ven các Suối trong phạm vi 15m tính từ mép suối đất nông nghiệp.
- Dọc hành lang cách ly đường điện cao thế, trung thế.

***4.6. Khu đặc thù:***

- Gồm các khu vực khai thác du lịch Trị An, khu du lịch thác mào hiem Trị An.

- Gồm cụm công nghiệp Trị An.

***4.7. Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng:***

- Các công trình đầu mối kết nối hạ tầng được thực hiện theo các tuyến đường giao thông liên xã, liên huyện...

***5. Định hướng tổ chức không gian xã:***

***5.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản:***

***a. Công trình trụ sở, cơ quan:***

- ***Trụ sở UBND xã:***

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1.
- + Quy mô: Đạt chuẩn phù hợp quy hoạch, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.
- + Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

**- Trụ sở Công an xã:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1
- + Quy mô: Xây dựng mới từ 1 đến 2 tầng
- + Định hướng kiến trúc: Khối công trình chính thiết kế kiến trúc đối xứng, có tính trang nghiêm.

**b. Công trình y tế:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1
- + Quy mô: Hiện hữu đạt chuẩn, phù hợp quy hoạch
- + Định hướng kiến trúc: Thấp tầng, từ 1 đến 2 tầng

**c. Công trình giáo dục và đào tạo:**

**\*Trường mầm non:**

**- Trường mầm non Trị An (1):**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1
- + Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn.

**- Trường mầm non Ấp 2:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 4
- + Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn.

**\*Trường tiểu học:**

**- Trường tiểu học Trị An 1 :**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1
- + Quy mô: Đạt chuẩn, phù hợp với quy hoạch

**- Trường tiểu học Trị An 2:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 2
- + Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn.

**\*Trường trung học cơ sở:**

**- Trường trung học cơ sở Nguyễn Du:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1
- + Quy mô: Đạt chuẩn, phù hợp với quy hoạch

**d. Công trình văn hóa, sinh hoạt cộng đồng:**

**\*Trung tâm văn hóa và khu thể thao xã:**

**- Trung tâm văn hóa xã:**

- + Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1
- + Quy mô: Đạt chuẩn, phù hợp với quy hoạch
- + Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.



**- Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng các ấp:**

+ Vị trí: trên địa bàn 2 ấp.

+ Quy mô: tối thiểu 500m<sup>2</sup>.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**\* Công trình thương mại dịch vụ, chợ:**

**- Chợ Trị An:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1

+ Quy mô: Đạt chuẩn, tầng cao xây dựng 01 tầng.

**5.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản cũ:**

**\* Xác định các chỉ tiêu:**

- Mật độ xây dựng trung bình:

+ Công trình công cộng : 30 - 40 %.

+ Nhà ở

• Nhà liên kế : 70 - 90%.

• Nhà vườn : 40 - 60%.

- Tầng cao trung bình : 01 - 03 tầng.

**\* Định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương:**

- Nhà ở xây dựng theo hình thức nhà vườn, thấp tầng (1 - 2 tầng), diện tích đất lớn, mật độ xây dựng tối đa 40 - 60%;

- Nhà ở theo hình thức liền kề, tầng cao từ 2 - 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 90%.

- Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 2 đến 3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn. Mật độ xây dựng tối đa 40% (phù hợp với tiêu chí hành lang xanh).

**5.3. Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ và các khu vực đặc thù khác:**

**\* Khu vực đặc thù:**

- Cụm công nghiệp Trị An: Quy mô khoảng 49,1ha, đang được đầu tư xây dựng.

**6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:**

**6.1. Giao thông:**

**Hệ thống đường Tỉnh:**

- Đường tỉnh 768: Tuyến bắt đầu từ ranh Thành phố Biên Hòa đi thị trấn Vĩnh An, chiều dài tuyến qua địa bàn xã khoảng 8,3km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, mặt đường 7m, lề gia cố 2 x 2,5m, phần đất bảo trì đường bộ mỗi bên 2m, hành lang an toàn mỗi bên 13m, lộ giới 45m.

**Hệ thống đường Huyện:**

- Đường Vĩnh Tân – Trị An: Tuyến bắt đầu từ đường ĐT767 đi xã Trị An, chiều dài tuyến chạy ngang qua địa bàn xã khoảng 4,8km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường 7m, lề gia cố 2 x 1m, phần đất bảo trì

đường bộ mỗi bên 1m, hành lang an toàn mỗi bên 9m, lộ giới 32m.

- **Đường ranh thị trấn Vĩnh An:** Tuyến bắt đầu từ đường Vĩnh Tân – Cây Diệp chạy cập theo ranh xã đi xã Trị An, chiều dài tuyến chạy ngang qua địa bàn xã khoảng 2,8km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường 7m, lề gia cố 2 x 1m, phần đất bảo trì đường bộ mỗi bên 1m, hành lang an toàn mỗi bên 9m, lộ giới 32m.

- **Đường Vĩnh Tân – Tân An:** Tuyến bắt đầu từ đường ĐT767 đi xã Tân An, chiều dài tuyến qua địa bàn xã khoảng 1,8km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, mặt đường 7m, lề gia cố 2 x 1m, phần đất bảo trì đường bộ mỗi bên 1m, hành lang an toàn mỗi bên 9m, lộ giới 32m.

- **Đường vào bến phà Hiếu Liêm:** Tuyến được nâng cấp từ đường hiện hữu, bắt đầu từ đường ĐT768 đi xã Hiếu Liêm. Chiều dài tuyến qua địa bàn xã khoảng 1,2km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, mặt đường 7m, lề gia cố 2 x 2,5m, phần đất bảo trì đường bộ mỗi bên 2m, hành lang an toàn mỗi bên 13m, lộ giới 45m.

#### **Hệ thống đường xã:**

- Bao gồm các tuyến đường sau đây:

- + Đường ấp 1;
- + Đường liên ấp 1-2;
- + Đường đò 74;
- + Đường đò Núi Cậu;
- + Đường dốc sét;
- + Đường Hóc Lai;
- + Đường xóm Huế;
- + Đường Lò Than;
- + Đường Lò Thanh (tuyến 1);
- + Đường Lò Thanh (tuyến 2);
- + Đường Lò Thanh (tuyến 3);
- + Đường đò ma;
- + Đường Vũng Rê;
- + Đường phân trường trung tâm;
- + Đường hàng ba cửa;
- + Đường Bến Be;
- + Đường Ủy ban nổi dài;
- + Đường trạm bơm mía đường;
- + Đường Kim Liên;
- + Đường QH1 – QH12;

Các tuyến đường này được nâng cấp từ các đường hiện hữu kết hợp mở mới tạo thành mạng lưới giao thông kết nối giữa các khu vực dân cư trên địa bàn xã, tổng chiều dài khoảng 37,3km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường loại A nông thôn, mặt đường 5m, lề gia cố + mương 2 x 1m, hành lang an toàn mỗi bên 4m, lộ giới 15m.

- **Đường vào nhà máy đường Trị An:** tuyến được nâng cấp từ đường hiện



hữu, dài khoảng 700m. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị, mặt đường 2 x 5,5m, dải phân cách giữa 1m, vỉa hè mỗi bên 2 x 5m, lộ giới 22m.

- **Đường trong khu dân cư (ngõ, hẻm ...):** Để đảm bảo lưu thông thuận tiện cũng như việc bố trí hạ tầng kỹ thuật thì các tuyến đường này cần phải bảo đảm một khoảng rộng nhất định, quy định như sau:

+ Đối với các tuyến hẻm có bề rộng  $\geq 8$ m, giữ nguyên hiện trạng.

+ Đối với các tuyến hẻm có bề rộng  $< 8$ m sẽ được quy hoạch mở rộng thành 8m. Các hộ dân dọc 2 bên hẻm khi xây dựng nhà mới phải thụt lùi vô sao cho các đường hẻm có lộ giới 8m. Trong đó bề rộng phần xe chạy là 5m, lề mỗi bên 1,5m dùng để bố trí các đường ống kỹ thuật phục vụ khu dân cư.

- **Đường nội đồng trên địa bàn xã:** Tất cả các tuyến đường nội đồng trên địa bàn xã được quy hoạch tối thiểu theo tiêu chuẩn đường loại B nông thôn, mặt đường 3,50m, lề gia cố 2 x 0,75m, nền đường tối thiểu 5m.

#### **Công trình cầu:**

- Quy hoạch cầu nối xã Trị An và Hiếu Liêm qua sông Đồng Nai nằm trên đường vào bến phà Hiếu Liêm.

- Các công trình cầu trên địa bàn xã được xây mới có kết cấu bê tông cốt thép hoặc bê tông dự ứng lực.

- Tất cả các cầu xây mới trên địa bàn xã Trị An được xây dựng với tải trọng tối thiểu 0,5HL93.

#### **6.2. San nền:**

- Xử lý cục bộ theo từng công trình cụ thể tuân thủ địa hình tự nhiên, tránh tình trạng ngập úng cục bộ. Cao độ xây dựng không chế tối thiểu cho từng công trình phụ thuộc vào từng vị trí nhưng phải đảm bảo không ngập úng, hài hoà với các công trình hiện có và không làm ảnh hưởng tới các công trình hiện có lân cận.

#### **6.3. Thoát nước mưa:**

\* Thoát nước trong các khu dân cư:

- Một số tuyến mương thoát nước hiện hữu tại khu dân cư trung tâm được giữ lại, cải tạo nâng cấp một số đoạn cho phù hợp với lộ giới quy hoạch.

- Xây dựng hệ thống mương xây đá hộc, thoát nước dọc theo các tuyến đường, thu nước mưa từ các công trình và mặt đường, các hệ thống thoát nước phải có nắp đan an toàn. Đảm bảo thoát nước tốt, không gây ngập úng trên các tuyến đường.

- Cùng với việc nâng cấp mạng lưới đường, cần xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước mặt cho toàn bộ các điểm dân cư nông thôn. Dọc theo các tuyến đường cần có các mương, rãnh thoát nước để thu nước trên mặt đường khi trời mưa, đảm bảo thoát nước thuận tiện và nhanh chóng. Hệ thống mương khi đi qua khu dân cư phải có nắp đan để đảm bảo an toàn.

- Đối với khu vực đồng ruộng, hệ thống mương thủy lợi dẫn nước tưới vào ruộng đồng thời cũng là mương thoát khi đồng ruộng bị ngập úng phải tiến hành nạo vét, cải tạo, kiên cố hóa. Nâng cấp, cải tạo hệ thống phải đập đảm bảo thoát nước tốt.

\* Thoát nước bên ngoài khu dân cư:

Dựa vào địa hình khu vực, các lưu vực thoát nước có hướng thoát chính từ phía Đông Bắc thoát về phía Tây Nam của xã. Nước mưa được thoát về các kênh



mương, sau đó theo các kênh mương này dẫn về sông Đồng Nai.

- Lưu vực I (phía Tây ĐT 768): Nước mưa thoát trực tiếp ra sông Đồng Nai.

- Lưu vực II (phía Đông ĐT 768): Nước mưa thoát về các kênh mương, sau đó thoát ra các suối, sông Đồng Nai, hướng thoát Đông Bắc – Tây Nam với độ dốc 0,1% - 0,5%.

Xây dựng hệ thống mương xây đá hộc, thoát nước dọc theo các tuyến đường, thu nước mưa từ các công trình và mặt đường. Đảm bảo thoát nước tốt, không gây ngập úng trên các tuyến đường.

#### **6.4. Hệ thống cấp nước:**

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Tiêu chuẩn cấp nước cho các điểm dân cư nông thôn:  $\geq 100$  lít/người-ngđ.

+ Cấp nước cho các công trình công cộng – dịch vụ (10% sinh hoạt),

+ Cấp nước dự phòng - rò rỉ (10% sinh hoạt và dịch vụ).

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước cấp được lấy từ nhà máy nước Trị An thông qua đường ống chuyên tải D160 trên đường ĐT 768.

- Nhu cầu dùng nước: khoảng  $870 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

- Giải pháp cấp nước sinh hoạt:

+ Các tuyến ống chính hiện hữu đủ năng lực cấp nước cho toàn xã được giữ lại.

+ Tiếp tục triển khai xây dựng hoàn thiện mạng lưới ống nhánh cho toàn xã đảm bảo cung cấp nước đủ nước sinh hoạt cho tất các hộ dân trên địa bàn.

#### **6.5. Hệ thống cấp điện:**

- Hiện nay xã Trị An được cấp điện từ trạm 6.3/0.4kV Hiếu Liêm qua các tuyến cao thế 500kV, 220kV, 110kV.

- Theo quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Đồng Nai. Nguồn điện cung cấp cho xã Trị An được lấy từ trạm 6.3/0.4kV Hiếu Liêm, có chiều dài khoảng 8km. Như vậy toàn bộ nhu cầu sử dụng điện của xã Trị An cũng như các xã lân cận sẽ được đáp ứng đầy đủ.

#### **6.6. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:**

##### **\* Thoát nước thải cho các khu dân cư:**

- Đối với các điểm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung. Xử lý nước thải bằng hồ sinh học tự nhiên.

- Đối với các cụm dân cư sống phân tán: vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh hình thức tự thấm hợp vệ sinh. Khuyến khích các hộ gia đình áp dụng giải pháp thoát nước thải có xử lý tự thấm (quy mô hộ gia đình).

- Nước thải phân tiêu của các hộ dân, trường học... sau khi xử lý bằng hệ thống tự hoại ba ngăn cho chảy vào giếng thấm, thấm xuống đất.

- Cần phải thường xuyên nạo vét các trục tiêu chính, các sông, suối chảy qua các khu dân cư để thoát nước được dễ dàng.

##### **\* Thoát nước thải cụm công nghiệp:**

Xây dựng hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng), xây dựng trạm xử lý nước thải cho cụm công nghiệp tập trung trong từng dự án và phải được xử lý đạt



QCVN 40-2011/TNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND Tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**\* Giải pháp xử lý chất thải rắn:**

- Chỉ tiêu về thu gom rác thải: 0,9 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải thu gom khoảng: 86,4 tấn/ngày. Rác được thu gom đưa về nhà máy xử lý rác tập trung của huyện để xử lý.

- Khuyến khích các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**\* Nghĩa trang:**

Tuân thủ theo quy hoạch hệ thống nghĩa trang của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh. Căn cứ theo quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt quy hoạch địa điểm nghĩa trang tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2050.

**7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:**

STT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	QUY MÔ	VỐN (tỷ)	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN	
				Đến 2025	Đến 2030
1	Công trình	m <sup>2</sup>	33,6		
+	Trụ sở công an xã	1,711	6,8	X	
+	Trạm bưu chính xã	903	3,6	X	
+	Chợ Trị An	7,759	23,2	X	
2	Giao thông	km	312,43		
+	Đường Vĩnh Tân - Trị An	4.842	40,67	X	
+	Đường ranh thị trấn Vĩnh An	2.824	23,72	X	
+	Đường Vĩnh Tân - Tân An	1.769	14,86	X	
+	Đường vào nhà máy đường Trị An	705	9,31	X	
+	Đường ấp 1	235	1,41	X	
+	Đường liên ấp 1-2	1.463	8,78	X	
+	Đường đò 74	3.347	20,08	X	
+	Đường đò Núi Cậu	1.050	6,30	X	
+	Đường dốc sét	766	4,60	X	
+	Đường Hóc Lai	2.181	13,09	X	
+	Đường xóm Huế	2.036	12,22	X	
+	Đường lò than	1.011	6,07	X	
+	Đường Trảng cày (Tuyến 1)	1.354	8,12	X	
+	Đường Trảng cày (Tuyến 2)	966	5,80	X	
+	Đường Trảng cày (Tuyến 3)	944	5,66	X	
+	Đường đò ma	3.003	18,02	X	
+	Đường vũng rê	1.590	9,54	X	
+	Đường phân trường trung tâm	1.280	7,68	X	



STT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	QUY MÔ	VỐN (tỷ)	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN	
				Đến 2025	Đến 2030
+	Đường hàng ba cửa	1.940	11,64	X	
+	Đường bên be	1.026	6,16	X	
+	Đường Ủy ban nối dài	2.366	14,20		X
+	Đường trạm bơm mía đường	714	4,28		X
+	Đường Kim Liên	682	4,09		X
+	Đường QH1	491	2,95		X
+	Đường QH2	589	3,53		X
+	Đường QH3	478	2,87		X
+	Đường QH4	884	5,30		X
+	Đường QH5	498	2,99		X
+	Đường QH6	637	3,82		X
+	Đường QH7	1.843	11,06		X
+	Đường QH8	914	5,48		X
+	Đường QH9	1.203	7,22		X
+	Đường QH10	721	4,33		X
+	Đường QH11	828	4,97		X
+	Đường QH12	271	1,63		X
3	Cấp điện		3,88		X
+	TBA	1.140	2,28	X	
+	TBA	800	1,6		X
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>308,94</b>		

### 8. Quy định quản lý:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

#### Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND xã Trị An, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND xã triển khai thực hiện:

- Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức thực hiện.
- Lập kế hoạch kêu gọi đầu tư theo phân đợt đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ, Tư Pháp, Văn hóa



và Thông tin, Y tế, Giáo dục, Lao động Thương binh và xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Chủ tịch UBND xã Trị An, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4
- UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Cao Tài**